TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **205**/2018/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Tho, ngày 06 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 695/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 33 Lý Thường K, phường tư, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị **Đặng Thị Quyên T1**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 12/6 Trần Quốc T2, khu phố bốn, phường bảy, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/10/2018, anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Quyên T1 thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Quyên T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đặng Khánh N, sinh ngày 19/10/2006 và Nguyễn Đặng Khánh N1, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Đặng Thị Quyên T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức T đóng góp nuôi con chung với chị T1 số tiền 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

Kể từ ngày chị Đặng Thị Quyên T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đức T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Đức T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị T1 mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh, chị đã nộp theo

các biên lai thu số 0013246 và 0013245 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT nên anh, chị đã nộp xong.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: - Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Quyên T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đặng Khánh N, sinh ngày 19/10/2006 và Nguyễn Đặng Khánh N1, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Đặng Thị Quyên T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức T đóng góp nuôi con chung với chị T1 số tiền 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

Kể từ ngày chị Đặng Thị Quyên T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đức T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Đức T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Quyên T1 mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu số 0013246 và 0013245 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT nên anh, chị đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Chị Đặng Thị Quyên T1;
- Anh Nguyễn Đức T;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.MT, TG;
- Chi cục THADS Tp.MT, TG;
- UBND xã Mỹ P, H.Tân Ph, TG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đinh Thị Sang